

## CUỐN V THÁI ẤT KỂ NGÀY

### THÁI ẤT KỂ NGÀY

Thiên Thái Ất kể ngày chuyên luận về mệnh hạn người đời. Đo biết họa phúc, định luận không sai. Suy rõ mầu chốt, nên cẩn thận tinh tường, diệu ở huyền vi tỏ biết.

### PHẦN I SỐ ẤT TRỜI LỄ CHẨN

1. Kinh nói: Ất cả ở cung Dương, toán được chẵn. Ở cung Âm, toán được lẻ. Âm dương phối hợp nhau, là số toán hòa. Hòa thì cát, không hòa thì hung.

2. Người đời, ví được toán rất hòa – như được 14, 18, trời đất khánh hội, âm dương giao thông, kẻ sĩ đỗ cao, người làm quan vinh hiển, người thường phong thịnh.

3. Nếu toán khá hòa – trung hòa – như được toán 23, 29, 32, 36 – phúc lộc lâu bền, tai nạn không gặp.

4. Toán được hơi hòa – hạ hòa – như được toán 12, 16, 21, 27, 34, 38 tài lợi đầy đủ, tai nạn ít.

5. Được ba toại toán hòa này, tuy gặp tai 9 Dương, nạn 106 (dương cửu, bách lục) cũng đổi hung thành cát được.

6. Nếu được số dương trùng, tạp (Văn Xương ở Khảm, Cấn, Chấn, Tốn toán được 13, 19, 31, 37), là những người tẹ nhẹp, chậm chạp, gặp những vận cùng số cực, những nạn Dương cửu bách lục, chắc chắn gặp quan tai hình ngục, bệnh tật ôn dịch. Nếu không thì cũng phải gió cắn răng mà chết. Nên xây đức để cầu đảo.

7. Được số âm trùng, tạp (tức là khi Văn Xương ở Ly, Khôn, Đoài, Kiền toán được 24, 28) là những người phiêu lưu, tẹ nhẹp, gặp vận cùng số cực, những năm Dương Cửu Bách Lục, người của mất, việc không được, họa tai mờ mịt, nếu quá thì mệnh tổn.

8. Được số dương trùng trong âm (Văn Xương ở Ly, Khôn, Đoài, Kiền, toán được 11, 17) là âm loạn trong dương, cũng là những người tẹ nhẹp, gặp nhiều trở ngại. Nếu thêm Giam, ép thì là những hạng giờ cuồng, có ách hình ngục. Người Âm mà gặp, để khó huyết bằng. Gặp năm Dương cửu, bách lục: tai họa đến tránh được.

9. Toán được số dương 7 thuần (Văn Xương ở Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, toán được 33, 39) là những người quá cường bạo; gặp những năm hạn Dương cửu, bách lục, tai nạn tổn hại bạo mạnh, vàng lụa tan mất, nhẹ thì buồn thảm, nặng thì chết tuyệt (tù hình).

10. Toán được thuần âm (Văn Xương ở Ly, Khôn, Đoài, Kiền) toán được 22, 26: là những người nhu nhược; gặp những năm hạn Dương cửu, bách lục, tai họa hình ngục giam lâu. Người nữ mà gặp, là những người không chính, loạn phong tục, gặp trộm, bị trộm hại.

11. Được ba toái không toán, lại thêm Ếm, Kích, Giam, Cách, thêm yêu tình (tinh sát) dưới: là những người 6 thân xa lìa, phá nghiệp bại nhà, làm nhiều điều không chính.

Toán không số trời - từ đơn 1 đến 9: nhỏ thì chết cha, phá sản, mất nghiệp; nhỏ không tập lễ nghĩa, lớn không giữ được chính.

12. Toán không số đất: Từ đơn 1 đến 4; 11 đến 14; 21 đến 24; 31 đến 34: nhỏ thì chết mẹ, phá bỏ vườn đất, hại vợ.

13. Toán không số người: Từ đơn 10, 20, 30, 40, nghĩa là không có 1: có nghiệp không dựng, có quan không chính, đi học đo lời mà không chính, việc làm thì hư dối, dai dẳng, ăn mặc thì không đủ.

14. Được Toán trong ba tài, có 2 mất, tuy mệnh ở ngôi cao mệnh, mà có sao phúc tới, cũng không khỏi tai nạn hình ngục, hoặc thường gặp nạn sang độc, ôn dịch.

15. Ba Tài đều không - Được một mà thêm

Giam: tai họa càng nặng; ví hai mất, 4 tướng vào đất Ếm – Cách – Ngăn – Giam, gặp nạn 9 – 106 đũa cách, hoặc Nền Quân Mới Kích Cùng Cung, thêm tuế cả gặp đâm đũa, định rằng có tai nạn hình biến.

16. Thêm gặp toán Ba Tài không, Ất Cả trong Dương quá thì cứng – Âm quá thì yếu. Lý Trời Đất Tạo Hóa không toàn đủ mười tại ở “nở mồn” vậy.

## PHẦN II SỐ THÁI ẤT BẤT THƯỜNG

### ẤT CẢ ẾM KÍCH ÉP GIAM NGĂN ĐỐI VÀO NĂM QUA

#### 1. ẾM:

Mới kích tới cung Ất Cả là Ếm

Tuế cả (Thái Tuế) mà gặp: cha con ly biệt, việc khóc lóc. Dương 9 mà gặp: trộm cắp, xâm lăng hoặc thân giam hình ngục.

- Tuổi trẻ mà gặp : rượu gái cuồng mê.
- Già mà gặp : tật bệnh thốt chết.
- Tuổi đứng mà gặp : phá lui nghiệp nhà.
- Trẻ nhỏ mà gặp : tả ly nhọt sảy.
- Người âm mà gặp : thai thường mất con, huyết băng các tật.

Đều nên làm đức để miễn tai nạn.

#### 2. KÍCH :

Thủy Kích ở trước Ất Cả là Ngoài Kích, ở sau là Trong Kích. Ở cung gián và ở cung tiết Ất Cả là Thời Kích. Cùng Ất Cả cách một cung là Cung Kích.

Thái Tuế mà gặp: cửa nhà kinh quái, gió lửa, trộm cắp, cùng những việc đâm dật không chính, hoặc tai họa bị ai, ôn dịch.

Ví toán không Ba Tài, năm ấy sẽ trúng gió chết bạo.

Số hạn mà gặp: quan chết mất chức, lại mất quyền; thầy tăng không trộm cắp thì tục tần; người dưới thì tật bệnh.

Ví gặp Lửa tiêu Kim : hại đến thân.

Cung Kích: tai nạn chậm

Thời kích: tai nạn gấp.

### 3. ÉP :

Mới kích (Thủy Kích) cùng 4 tướng ở trước hoặc sau Ất Cả là Ép.

- Thái tuế (Tuế Cả) mà gặp: tai họa đều phát.
- Số hạn mà gặp: tiền vải phá tan.
- Tuổi trẻ thì cuồng dâm, mất nghiệp.
- Già thì khí lui, tật bệnh.
- Quan lại mất quyền.
- Người âm mà gặp: dễ khó.

### 4. CÁCH :

Thủy Kích và Ất Cả đối nhau là Cách. Mất Khách (Thủy Kích), Tiểu Tướng đối cung Thái Ất (Ất Cả) cũng là Cách.

- Thái Tuế (Tuế Cả) mà gặp: sinh nhiều ách nạn.
- Thân Mệnh mà gặp: họa đến thân.
- Hạn số mà gặp: tai họa, ngục hình đều phát.
- Ngày Cách: thâm thiếp gặp ương
- Thời Cách: con cái tổn thương
- Ví toán Ba Tài không: tất gặp đồ hình
- Người già mà gặp là hạn hết.

### 5. GIAM :

Bốn tướng và Thái Ất cùng cung Giam (tù) – (Lại có khi Thái Ất cùng Văn Xương và 4 Tướng cùng cung cũng là GIAM).

Dương 9 mà gặp Kim ở đất tuyệt dương (như ở đất Đại Linh – Sáng lớn - tức đất Tồn), thì điên cuồng, mất trí. Bách Lục cùng Thái Tuế hợp nhau, lại Toán Ba Tài không, thì chôn vợ hại con, tật bệnh kinh quái và tai nạn giam hình. Người âm nên phòng đề khó hoặc là nạn nhọt sang.

### 6. CHẶN (TÍNH) (Ngăn)

Văn Xương và Thái Ất cùng cung là Ngăn – là Chặn (có khi Văn Xương gặp 4 Tướng cùng cung làm khách chặn chủ; Chủ Đại Tướng phạm nhị tinh: chủ chặn khách; Khách Đại Tiểu Tướng tự cùng cung cũng là Chặn).

- Thái Tuế mà gặp: sáu thân không hòa.
- Ngày giờ mà gặp : luôn luôn tiếng khoe.
- Số hạn mà gặp : mệnh đến tuổi vàng

- Ví lâm cung Cha mẹ : có tai họa khóc người trên.
- Vào cung nhà đất : thì nhiều tổn hủy.
- Vào cung thê thiếp : vợ không yên.
- Vào cung quan lộc : thì mất chức.

## 7. ĐỐI :

Thái Ất và Văn Xương (Bà Văn) đối nhau là Đối (Thái Ất đối cung Đại Tiểu Tướng là Đối (Văn Xương và Thủy Kích tương đối nhau là Giam (tù) ngoại).

- Thái tuế mà gặp : có việc lo sợ
  - Hạn 106 gặp đối xung, lại thêm Toán Ba Tài không: trong năm chết bạo, không thể thì bệnh hoạn.
  - Hạn Dương 9 mà gặp: năm ấy có tai nạn ngục lao.
  - Người âm, trẻ nhỏ: có kinh sợ chết thất cổ.
- Nên làm đức để cầu đảo.

Trên đây, ếm, kích, ép, cách, giam, ngăn, đối giữ việc tai nạn phát sinh trong năm qua (lưu niên). Nên Kể Ngày, Cung - Số - Thân - Mệnh, rồi xem Gốc sống - Ngày - Giờ - để định mầu chót.

## PHẦN III YÊN CUNG

### YÊN CUNG MỆNH THÂN

Lấy tháng sinh (Tháng trở) trên Chi Năm - Số đến giờ sinh yên Mệnh.

Dưới ngày sinh, yên cung Thân (Trai dương, gái âm, thuận). Trai âm, gái dương, ngược):

1. Mệnh
2. Anh em
3. Thê thiếp (phu)
4. Con cái
5. Cửa cái
6. Nhà đất
7. Quan lộc
8. Đầy tớ
9. Tật bệnh
10. Phúc đức
11. Tướng mạo

## 12. Cha mẹ

**Cung THÂN MỆNH NHẬT THỜI**

- Nền vua (Quân cơ) Mới kích (Thủy kích) cùng cung, trên Thân MỆNH NGÀY GIỜ: có bệnh tim, bệnh ung độc.

- Du nhỏ (Thái Ất - Tiểu Du) Phép Tôn (Trực phù) cùng cung, trên THÂN MỆNH, NGÀY GIỜ : có bệnh nùng huyết.

- ẤT TRỜI (Thiên Ất) Phép Tôn (Trực phù), trên THÂN MỆNH, NGÀY GIỜ : ho lao.

- ẤT ĐỊA (Địa ất), Phép Tôn cùng cung, trên THÂN MỆNH, NGÀY GIỜ : bệnh phổi, tật mắt.

**1. MỆNH :**

- Thấy NỀN QUÂN (Quân Cơ) NỀN THẦN (Thần Cơ) 5 PHÚC, THẦN KỀ: là Quan Thanh hiển.

- NỀN DÂN (Dân cơ): chủ tiền lụa, lương dân.

- Thấy ĐẠI CHỦ, THAM CHỦ : là chức võ, có binh quyền, gần vua.

- Thấy ĐẠI KHÁCH, THAM KHÁCH: chủ binh quyền ngoài biên cương.

**2. ANH EM :**

- Sao cát chiếu nhiều : được nhiều phù trợ

- Sao hung : không có sức

**3. THÊ THIẾP :**

- Thấy Sao lành : được lành.

- Sao hung thì xấu, mất đoàn tụ.

**4. CON CHÁU :**

- Thấy Sao Cát : con quý.

- Sao hung thì hại, xa.

Trai 12 sao :

- NỀN QUÂN, NỀN THẦN, 5 PHÚC : được 3

- NỀN DÂN, THẦN KỀ, ĐẠI KHÁCH : được 2

- BÀI VĂN, ẤT TRỜI : được 4

- ĐẠI CHỦ : được 5

- TIỂU CHỦ, TIỂU KHÁCH : được 1

Gái 4 sao :

- BÙA BAY, MỚI KÍCH : được 3

- ẤT ĐẤT, BỐN THẦN : được 2

**5. CỬA CẢI**

- Sao cát : rộng và dày

- Sao hung : tán tụ

**6. NHÀ ĐẤT :**

- Sao cát : hưởng nhiều nghiệp tổ
- Sao hung : phá tổ rồi tự gây dựng lại

**7. QUAN LỘC :**

- Gặp lành : Quí hiển
- Gặp hung : hóa bại

**8. ĐẦY TỐ :**

- Lành : được việc
- Hung : không được việc

**9. TẬT BỆNH :**

- Gặp lành : ít bệnh
- Hung : nhiều bệnh thêm tật đau.

**10. PHÚC ĐỨC :**

- Cát : Phúc đầy
- Hung : lao khổ

**11. TƯỚNG MẠO :**

- Cát : đẹp đẽ
- Hung : xấu xí

**12. CHA MẸ :**

- Cát : hoàn toàn
  - Hung : hại xa
- Ví gặp 4 vị sao hung. Mới kích thì côi.

## **PHẦN IV**

### **HẠN**

**IV.1. HẠN CHÍNH DƯƠNG (Dương Cửu) :**

Lấy Can Ngày Sinh, dùng 5 Hành theo Gốc Sống khởi hạn

- GIÁP KỶ hóa ĐẤT khởi 5 tuế ở NGO
- ẤT CANH hóa KIM khởi 4 tuế ở TỶ
- BÍNH TÂN hóa NƯỚC khởi 1 tuế ở THÂN
- ĐINH NHÂM hóa GỖ khởi 3 tuế ở HỢI
- MẬU QUÝ hóa LỬA khởi 2 tuế ở DẦN

**Hỏi : 10 Can hóa khí ra sao?**

**Đáp :** Thìn là Đầu, Rồng chót vót, là Thần Rồng Trời. Rồng hay biến hóa, do ý ấy mà nên.

Phép Ấn, nói Giáp Kỷ hoàn trên Giáp. Từ Giáp Tý đến Thìn, thấy Mậu. Mậu Kỷ Đất. Vì vậy, Giáp Kỷ hóa Đất. Ất Canh hóa Kim, từ Bính Tý đến Thìn, gặp Canh Kim. Vì vậy Hóa Kim.

Hóa nước, hóa gỗ, hóa lửa cũng theo Lê :

- Giáp Kỷ hóa Đất, được số 5. Từ Ngọ khởi số 5 – Trai thuận, gái ngược, mỗi năm một rời. Y thế mà làm.

Ví như Mệnh Trai, ngày Giáp Kỷ, từ mới sinh đến 5 tuổi, hạn Dương Cửu ở Ngọ, từ sáu đến 10 tuổi ở Vị. Nơi khác phỏng thế.

Thấy Hạn Dương Cửu vào cung nào, ở đấy Họa Phúc ra sao, so sánh mà biết.

**IV.2. HẠN BÁCH LỤC (106)**

Phép này, dùng số Can Chi của Ngày, Giờ sinh, cùng thu mùa, thêm số sinh thành tức số trời đất 55 - lấy 60 trừ mãi, không hết, số dư là số hạn.

Lại từ ngày sinh chuyển ngược, đếm đến số hạn, gọi là ngày chịu khí. Can ngày chịu khí, y theo khí hóa ở hạn dương 9 (Nước: 1. Lửa: 2. Gỗ: 3. Kim: 4. Đất: 5). Từ phương gốc sống khởi đi. Hạn lớn 10 năm qua một cung. Hạn nhỏ mỗi năm một cung.

(Hạn lớn, trai thuận gái ngược. Hạn nhỏ, trai ngược gái thuận)

- Trời số 1 sinh nước

- Đất số 6 thành nước

Tổng số Sinh Thành được 7

Nhâm Quý Hợi Tý và thu mùa đều là Nước cũng thế

- Đất số 2 sinh Lửa

- Trời số 7 thành Lửa

Tổng số được 9 – Bính Đinh Tý Ngọ và Thu Mùa thuộc Lửa cùng thế.

Giáp Ất, Canh Tân, Mậu Kỷ với Dần Mão Thân Dậu Sửu Vị, đều suy như thế.

Số 1, 3, 5, 7, 9 là số Trời cộng lại được 25.

Số 2, 4, 6, 8, 10 là số Đất cộng lại được 30

Số Trời đất thông nhau được 55 mà vận chuyển biến hóa.

Giả như, năm qua là 30 tuổi. Sinh năm Giáp Tuất (Lửa), tháng Tân Vị (Đất), ngày Giáp Tý (Kim), giờ Bính Dần (Lửa).

- Lấy ngày Giáp Tý Can Chi, số thu mùa ( nạp giáp) được 31.

- Giờ Bính Dần và số thu mùa được 29.

- Số ngày giờ tính lại được 60.

- Thêm số trời đất 55, thông nhau được 115 số. Lấy 60 trừ, dư 55.

Đó là số chịu khí.

Lấy số chịu khí vừa được, từ ngày sinh Giáp Tý, chuyển ngược toán, được Canh Ngọ là hạn chịu khí. Ất Canh hóa Kim, được số 4. Gốc sống ở Tý, Tý là kỳ tới hạn. Từ Tý, trai thuận, gái ngược, chuyển hạn.

Hạn tới 106, từ Tý tới Thân được 30 năm như suy hạn nhỏ, từ Tý trở ngược, mỗi năm một rời, 30 tuổi hạn 106 nhỏ ở Tý. Nơi khác, lấy đó mà suy ra.

#### **IV.3. HẠN DƯƠNG 9, BA HẠN LÀNH DỮ**

\* Hạn sơ từ 1 đến 25 tuổi :

Trong hạn được cung có sao tốt thì không có họa mà còn phúc. Đầu đến sẽ giàu sang, phát đạt lớn. Gặp cung Ngăn Giam, Ép, Kích, thêm sao hung thì tuổi nhỏ phá tổ, thân cô. Ví vào thân Mệnh, gặp hình phát nặng.

\* Hạn trung từ 26 đến 50 tuổi :

Trong hạn, gặp sao lành, không thành họa, mà còn thêm phúc. Tuổi trung giàu sang. Ví ở cung Cách, Ép, Đối, Kích thì tuổi trung nhiều thương, hôn nhân, con cái phá hại, điên cuồng. Vào 2 cung Thân Mệnh, có việc thương đồ.

\* Hạn cuối từ 51 đến 75:

Trong hạn, được cung cát sao lành, không thành họa, lại thêm phúc, tuổi già vui vẻ phúc dày. Ở cung Ngăn, Giam, Ép, Tuyệt lại thêm sao hung, gặp hình họa, vào Thân Mệnh giao hội với sao hung, tất gặp tuyệt duyệt, há được yên lành trọn đời sao?

#### **IV.4. HẠN 106, VÀO QUÊ, TÌM HÀO HẠN :**

Lấy Can Chi của năm, tháng, ngày, giờ sinh, thu mammals, số sinh thành, gộp lại. Thêm Trời Đất 55. Lấy vòng quẻ 64 mà trừ mãi. Số dư vào quả đã qua Từ Kiền khởi đầu, đếm số đã được, là quả Đang Sống (Quẻ ra đời).

Sau tìm hào vào việc. Chỉ lấy khí thời Đang Sống. Dương dùng Hào Dương. Âm dùng Hào Âm.

Dương từ dưới thăng lên.

Âm từ trên giáng xuống.

Tìm đến Hào Vào Việc (Trực sự).

Lấy quẻ gốc là Quẻ Ra Đời (Quẻ Dựng Nghiệp).

Quẻ biến là Hạn Quẻ Dựng Nghiệp.

Từ Hào Vào Việc đi lên, hào dương 9 năm, hào âm 6 năm, chuyển vận hết vòng rồi thì sang quẻ biến.

Y thứ tự vận hành để rõ ra đời dựng nghiệp, mọi việc hay dở lành dữ.

(Khởi Kiền Khôn Mông Nhu Tụng)... 64 quẻ thứ tự, xem xét thiên trên.

#### **IV.5. HẠN 106, QUÊ NĂM QUA (Lưu Niên) :**

Lấy số Can Chi của năm tháng ngày giờ, thu mammals, số sinh thành, thêm số trời đất. Dùng vòng quẻ 64 mà trừ. Số dư, khởi Kiền làm đầu, mỗi số 1 quẻ, tới quẻ Hạn Kiếp Sống.

Như được số 1 tức Kiền, số 11 tức Thái... Phép tìm Quẻ Năm Qua, lấy Hạn Kiếp Sống, thêm số tuổi của năm qua. Dùng vòng quẻ 64 mà trừ. Số dư vào quẻ, được quẻ năm qua.



Lấy Hào Động, cũng như phép đoán hạn quẻ ra đời.

Giả như năm qua, tuổi 30...

Năm nay, năm Giáp Tuất, tháng Tân Vị, ngày Giáp Tý, giờ Bính Dần. Bốn trụ sinh thành và số thu mầm được 138. Thêm số trời đất 55, vận được 193 thẻ.

Dùng vòng 64 mà trừ. Còn dư 1, tức vào quẻ Hàm là Quẻ Hạn Năm Qua.

Muốn tìm hào động vào việc, xem hạn 106 đến thời nào. Dương dùng hào dương, từ dưới đi lên trên, thì hạn 106 đến cung Thân Thân thuộc Dương, bắt đầu từ hào chín 3.

Chỉ dùng hào dương, không dùng hào âm, khởi Canh Tý thuận đến Thân thì được hào 9.5. Đó là hào vào việc.

(Phạm dùng dương, không lấy âm. Dùng âm không lấy dương, theo lệ này suy ra).

Giả như người sinh năm Giáp Tuất. Quẻ ra đời được Kiền. Muốn tìm hào vào việc, phải xem hạn 106 chịu khí sinh. Ngày Giáp Tý, giờ Bính Dần thì Canh Ngọ quản khí. Ngọ thuộc Dương Dương từ dưới đi lên trên. Tức lấy quẻ Kiền hào sơ làm đầu. Gọi Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ, từ dưới lên trên, hết vòng lại trở lại thì Ngọ tới hào 9 sơ của quẻ Kiền, hào vào việc. Hào dương, 9 năm qua một hạn. Nay 30 tuổi, đến hào 9.4 đã được 3 năm. Đến năm 54 tuổi thì đầy.

Đó là hạn ra đời, từ quẻ Kiền.

Rồi lấy quẻ Biến làm hạn Quẻ Dụng Nghiệp, Kiền hào sơ vào việc. Động, biến thành quẻ Cẩu. Đó là hạn Quẻ Dụng Nghiệp.

- 55 tuổi qua hào 6 sơ quẻ Cẩu, 6 năm nữa sẽ đầy.

- Đến năm 61 tuổi qua hào 9.2, từ đây trở lên, mỗi hào hạn 9 năm. Y thế làm lệ.

#### IV.6. SỐ 106 - QUẺ THÁNG :

Lấy quẻ năm qua, thêm 2 toán trời đất đầy. Lấy tháng giêng trở Dần làm đầu, mỗi tháng thêm một toán, đến tháng 12, thêm 12 toán. Dùng vòng quẻ 64 mà trừ. Số dư, vào quẻ thẳng việc đang cầu.

Muốn biết hào động thẳng việc, lấy quẻ cầu được, tháng dương dùng hào dương, từ dưới đếm lên. Tháng âm dùng hào âm, từ trên xuống dưới, đều như phép trên, thì được hào vào việc.

Giả như, người sinh năm Giáp Tuất. Số 106, quẻ năm qua đã được 32, tức quẻ Hàm vào việc. Dùng số 31, thêm 2 toán đầu, thành 33. Tháng giêng trở Dần, thêm 1 toán. Thông gồm số được 34. Vậy quẻ tháng gặp Đại Tráng. Như tháng 2 trở Mão, thêm 2 toán, tổng số 35, được quẻ Tấn. Y như thế mà tìm, tức được quẻ vào việc từng tháng, lấy hào động như trên.

#### IV.7. TÌM QUẺ NGÀY :

Lấy số Quẻ Tháng đã được, thêm số ngày của vòng 60 Giáp Tý. Lấy vòng quẻ 64 mà khử. Số dư, vào quẻ ngày. Như ngày Giáp Tý thêm 1, Giáp Tuất thêm 11. Ất Hợi thêm 12... Y thế mà tìm, tức được Quẻ Ngày cầu việc. Ngày dương dùng hào dương, ngày âm dùng hào âm, từ trên xuống, từ dưới lên như trên.

#### IV.8. TÌM THẺ GIỜ :

Muốn tìm Quẻ Giờ, cũng như phép tìm quẻ ngày cùng lệ

Quẻ Hào Kiếp Sống tìm được, biết đời sống tiến lui lành dở.

Quẻ Hào Năm Qua tìm được, biết mọi việc trong năm ấy.

Quẻ Hào tháng, ngày, giờ tìm được, biết việc 1 tháng, 1 ngày, 1 giờ.

## PHẦN V

### LỘC BAY - NGỰA BAY

Lấy Can của năm sinh. Chiếu số sinh của 5 Hành, từ cung gốc sống khởi đi. Mười năm một Rời. Hạn Lộc đi xuôi. Hạn Ngựa đi ngược. Xem đến cung nào, chia sao cát, sao hung, nặng, nhẹ mà rõ lành dở. Mỗi cung có 3 sao, 4 sao, chia thiện ác mà đoán. Cát nhiều, hung ít, không hại là cát. Hung nhiều, cát ít, không hại là hung. Nét lớn thì người đời không thể toàn mười. Nên châm chước nặng nhẹ, nở mòn, sâu nặng.

Cát nhiều, hung ít, mà sao hung ở nơi cao cường, cũng thành họa hoạn được.

Hung nhiều cát ít, sao phúc đến cung Mạnh Khá, phúc cũng sáng tỏ.

Diệu ở quyền lượng nhẹ nặng mà xét biến thông, không thể chấp nhất.

Như Giáp Ất sinh người, thuộc Gõ, loại số 3. Hạn Lộc 3 tuổi khởi từ Hợi, đi ngược, 10 năm một cung.

Ngoài ra, suy đẩy mà tìm.

## PHẦN VI

### CÁC CUNG THÂN MỆNH

#### TRÊN KHÔNG – KHÔNG SAO ĐẾN CHIẾU

- Mệnh gặp Không : Trá nguy, khốn đốn, tàn nhẫn, không tìm óc, không nơi nương tựa, giữ tĩnh, giữ vui.

- Anh em Không: Đâm hại, gian dối, bạn rượu bè hoa, du đãng, mỗi người một ngã.

- Thê thiếp Không : Đâm đuổi, góa bụa, xa rời, ghen ghét, dối trá, mờ ám.

- Con cái Không : Con cháu chết non, qua phòng khác họ, tàn tật không vui, không ăn, không mặc, không nơi nương tựa.

- Tiền của Không : Kế nhà nghèo nàn, trộm cướp, cướp đoạt, sáu giống nuôi (lục súc) thương tổn, không trở cũng bại.

- Nhà đất Không : Mướn nhà ở riêng, thấp tẹt, cửa hoang, nhà cỏ xiêu vẹo, vách đổ, lửa cháy, nước trôi.

- Quan lộc Không : Hở mượn oai cộ, chất dê da hổ, đình bãi cung quán, lời khéo kiệt duyệt.

- Đầy tứ Không : Bệnh chết, suy bại, gian trá, giả dối, ra tai nhỏ, vào họa lớn, không nường, không tựa.

- Tật bệnh Không : Mắt miệng méo lệch, chân tay đờ đẫn, tai điếc, lao cổ, sáu ngón.

- Phúc đức Không : Thầy thuốc, đấng sĩ, ẩn cư, tiêu dao, nghề lang thay đổi, ở nhờ nhà giàu sang.

- Tướng mạo Không : Luận không bàn lui, hình dung phá đổi, cơ thể gầy, thuyền ngắn chèo nhỏ, nhiều lo, nhiều khuất.

- Cha Mẹ Không : Cha mẹ thương, không lợi sáu thân, qua phòng khác họ, bỏ rơi, lìa chôn.

- Cung thân Không : Rời châu bỏ giếng, cuồng đảng lang thang, thoát đông lộng tây, vết đi không định.

- Năm tháng Không : Mới sinh không nơi nương tựa, không ở quê tổ, cha mẹ đâm thương, chịu nhiều ngang trở.

- Ngày sinh Không : Quan quả cô độc, đói khát lo sầu, mệt nhọc phiền não, thọ không tới số.

## PHẦN VII PHÉP ẤT CẢ XEM MỆNH

- 16 sao tới cung phận, có mạnh yếu, chia ra trên, trung, dưới 3 bậc.

- Trước luận cung Thân Mệnh

- Rồi xem Ngồi Ngày Giờ

Như vào cung không có sao, lấy Sao Cung Đối mà dùng. Cung đối cũng không, dùng sao các cung ba hợp.

Những người bậc trên Cao Mạnh là phúc rất cao. Hạng trung kém hơn. Hạng dưới thuộc bầy dưới.

(Cung Đối như Tý Ngọ, Sửu Vị - Ba Hợp như Hợi Mão Vị thành khối – Xin xem ở phần Luận Vũ Trụ Tuyên Truyền Qua Sao Chính ở tập II trong cuốn VI).

## PHẦN VIII CÁC THẦN

(16 SAO CHIA RA 3 BẬC MẠNH YẾU)

**NĂM PHÚC:**

Trên : Thìn Sửu Thân Hợi

Trung : Tuất Ngọ Tý Dậu Vị Tý

Dưới : Dần Mão

**NỀN QUÂN :**

Trên : Thìn Ngọ Tuất Sửu Vị

Trung : Tỵ Thân Hợi Tý

Dưới : Dần Mão Dậu

**NỀN THẦN :**

Trên : Thìn Tuất Sửu Mão

Trung : Vị Thân Ngọ Hợi

Dưới : Dậu Tỵ Tý Dần

**NỀN DÂN :**

Trên : Thân Thìn Hợi Tý

Trung : Vị Tý Ngọ Tuất Sửu

Dưới : Dần Mão Dậu

**DU NHỎ :**

Trên : Dần Hợi Mão Vị

Trung : Sửu Thìn Tý Tuất

Dưới : Thân Dậu Thìn Hợi

**BÀI VĂN**

Trên : Thân Sửu Thìn Hợi

Trung : Tỵ Ngọ Vị Dậu Tuất

Dưới : Dần Mão Tuất

**THẦN KÊ :**

Trên : Thìn Tuất Sửu Vị

Trung : Thân Tý Hợi Tý Ngọ Dậu

Dưới : Dần Mão

**MỚI KÍCH:**

Trên : Dần Ngọ Tuất Tỵ

Trung : Thìn Vị

Dưới : Sửu Hợi Tý Mão Dậu Thân

**ĐẠI TƯỚNG CHỦ:**

Trên : Tỵ Dậu Sửu Thân

Trung : Tý Mão Thìn Vị Hợi

Dưới : Dần Ngọ Tuất

**ĐẠI TƯỚNG KHÁCH:**

Trên : Thân Tý Thìn Hợi

Trung : Vị Sửu Dần Dầu

Dưới : Tý Ngọ Mão Tuất

#### **BÓN THẦN :**

Trên : Thân Tý Thìn Hợi

Trung : Ngọ Sửu Tuất

Dưới : Vị Mão Dần Dậu Tý

#### **ẤT TRỜI :**

Trên : Dậu Sửu Thân

Trung : Tý Thìn Mão Vị Tuất Hợi

Dưới : Tý Ngọ Dần

#### **ẤT ĐẤT :**

Trên : Thìn Tuất Sửu Vị

Trung : Tý Ngọ Thân Tý

Dưới : Dần Mão Dậu Hợi

#### **BÙA BAY:**

Trên : Dần Ngọ Tuất Tý

Trung : Sửu Vị Thìn Thân

Dưới : Hợi Tý Mão Dậu

#### **THAM TƯỚNG CHỦ:**

Trên : Thân Tý Thìn Hợi

Trung : Tý Dậu Ngọ Dần

Dưới : Sửu Vị Tuất Mão

#### **THAM TƯỚNG KHÁCH:**

Trên : Hợi Mão Vị Dần

Trung : Thân Tý Thìn Sửu

Dưới : Tý Dậu Ngọ Tuất

#### **KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG DO ẢNH HƯỞNG CÁC THẦN**

#### **NĂM PHÚC**

Trên : Làu kinh sử, thông văn võ, công thanh hiền lương, hiếu liêm (cử nhân ngày nay) thành thực, thẳng thắn.

Trung : Giàu bền phúc thọ, văn hay mặt đẹp, chân dân, cha nông.

Dưới : Thầy thuốc, thầy tăng, dựa văn dựa võ, bầu bạn gốc tùng.

#### **NỀN QUÂN**

Trên : Tước có 5 bậc. Kinh luận trị đạo toán tài trí lược, văn học quyền hành, võ giữ tiết việt.

Trung : Quang lộc, hàn lâm, mộng thần, tôn thất, giàu vàng ngọc, tư mục châu quận, tổng xuất binh quyền.

Dưới : Xuyên ngọc khuôn vàng, làm chức thợ may, mài ngọc lưu ly.

### NỀN THẦN

Trên : Tể tướng, công khanh, thường thần để tọa, giảng đọc sự phạm, soạn thảo quốc hiến.

Trung : Thường Thị Viên Lang, chức nơi cấp sự, biên tu, giảng đọc.

Dưới : Đạo viện thầy chùa, giảng thích kinh Phật, viết lách nơi hàn vi.

### NỀN DÂN

Trên : Sửa trị tài chính, thường lĩnh thuế má, chấn dân khuyến nông.

Trung : Thường quản nhà cửa, giàu có hào thương, lúa thóc vàng ngọc.

Dưới : Khai trương nhà in, quán ăn nấu nướng, gói ghém hàng hóa.

### DU NHỎ

Trên : Tu mã nguyên soái, phương diện khốn thần, thống lĩnh binh mã, luật lệnh hình pháp.

Trung : Tướng quân lại sĩ, thị vệ thuần úy, tiểu hiệu trong quân, để tổng quản hạt.

Dưới : Lính thư lại, đúc gọt, tạo tác điêu khắc, tư chế cỗ nhạc, dầu máy móc đủ thứ.

### BÀI VĂN

Trên : Quán thông kim cổ, viện sách giảng văn, kiệt tài trên đời. Nước cần người ấy. Ngồi đồng hành quân. Ra tướng vào tướng (quân phủ).

Trung : Lời nói thành khuôn phép. Bẩm khí trung hòa. Chức giữ kinh luân. Quan ngôi hàn uyển. Thầy nho trò phủ, viết sử truyền văn.

Dưới : Nho nghèo, bút thơ, trò trong học xá, vẽ đẹp viết hay, tịch tịch rời ra phổ xá.

### THẦN KẾ

Trên : Tính toán súc tích, chuyển vận giữ gìn, tiền thóc biểu dâng.

Trung : Thương khổ đề cương (nắm trọn kho hàng) Biện châu biệt ngọc. Gánh vác, cầu mưu. Vận dụng giàu bền. Làm quan tư kế.

Dưới : Thương khổ lại ty (cai kho), giữ tiền vào ra. Võ làm kho tiền, công sứ du nghệ.

### MỚI KÍCH

Trên : Chuyên sứ tiết việt. Kim ngô thống soái. Thiên chức hiệu lệnh. Thần tứ dũng lực. Văn ngôi tả phụ. Võ lĩnh thiên biên. Thâm trầm lắm mưu. Cương nghị quyết đoán.

Trung : Thống lĩnh tham phó. Ứng cơ phụ trong. Tài phong lộc quý, Văn võ kiêm toàn.

Dưới : Bốn phương rong ruổi. Thuyền bè lợi nước. Bói toán làm nghề. Cày bừa làm gốc.

### ĐẠI TƯỚNG CHỦ

Trên : Tướng trong khu phủ. Ba vệ sĩ tổng soái. Đại ngọc cá vàng, chức cao quan võ.

Trung : Thi vệ tam phó, lại sĩ trong quân.

Dưới : Tiểu hiệu trong quân, châu chực sai bảo.

### ĐẠI TƯỚNG KHÁCH

Trên : Năm quyền tha chết. Trấn thủy biên thù. Định loạn trừ gian. Soái hiển trên đời.

Trung : Tuần úy binh nhung. Sử tử 6 tòa.

Dưới : Bốn phương kiếm việc. Chín dòng tăng đạo. Múa hát nữ lưu.

### BÓN THẦN

Trên : Thông minh, đĩnh đạc. Tước lộc dày bền. Muối chè xoay xử. Lợi nước nên phúc.

Trung : Thuế rượu phổ trường. Thuyền bè qua sông, ngược xuôi kiếm lợi.

Dưới : Rõn hát rong đường. Điều sử lời hoa. Đồng bóng trọc đầu.

### ẤT TRỜI

Trên : Chinh phạt vinh thân. Đồng sắt... làm giàu, vác đao cửa công.

Trung : Chín dòng đồng bóng. Cắt may, thuyền, thợ.

Dưới : Cáp đao lính ngục, lẻ loi không nương tựa.

### ẤT ĐẤT

Trên : Tính cách khác đời. Trấn thủ ngoài biên. Hưởng lộc cáng đáng.

Trung : Hoàn toán xem mạch. Gom góp bồn đá đồ sành.

Dưới : Bôn ba chơi bời. Ôm bệnh hao hụt.

### BÙA BAY

Trên : Chí viên tuyên thủ (?) Đốc dụ nhưng soái. Múa võ trở tài. Tiếng tăm nơi quan ải.

Trung : Tiểu hiệu trong quân. Chức lại sĩ. Đúc nồi nấu sanh.

Dưới : Rời quê độc lập. Lẻ loi riêng lẻ, hay vướng việc quan.

### THAM TƯỚNG CHỦ

Trên : Thiêm thư đề điểm (?) Tham phó binh nhung

Trung : Thuyền dụ quản biện. Đầu sai chạy giầy (thị sử).

Dưới : Con thuyền câu lưới, lính lệ, người ngu.

### THAM TƯỚNG KHÁCH

Trên : Có tên hầu việc. Giám ban cáng đáng. Đầu sai trong quân. Năm binh lại sĩ.

Trung : Làm thuốc. Xem bói thuê. Chín dòng thuật sĩ.

Dưới : Lính trơn, nô lại, là bản cùng khốn khổ.

## PHẦN IX BÀI PHÚ ẤT CẢ 10 ĐỀ

### BA NỀN, NĂM PHÚC - ẤT CẢ

- Quân - Thần – Dân – Phúc,  
Hóa đất thành công (tức gặp Giáp Kỷ hóa Thổ).
- Thìn Tuất đây, quan ngôi cửu phẩm,
- Sửu Vị đây, bậc tới Tam Công
- Giàu có lâu đời, tới vùng Thân Hợi  
Thiên tư đỉnh ngộ, học hẩn tinh thông.
- Dần Mão nay, cả đời tập tễnh,
- Tỵ Ngọ tới, hoặc phú hoặc cùng.
- Ví gặp Đại Chủ, Bài Văn: công khanh ngôi ấy  
Cùng loài Bùa Bay, Mới Kịch, một kiếp ngu hung.

### BÙA BAY (PHI PHÙ)

- Bùa bay thuộc lửa  
Dần Mạnh là phương  
Gặp Ngọ thì Thân ngồi tòa miếu.  
Gặp Tuất thời lộc khổ cao cường.
- Hợi Tý, cung ấy, cơ cuồng hại con xa vợ  
Du Nhỏ sao này kịp đến, mất lộc ly hương
- Hợi Bốn Thần, bệnh nhiều tiêu khát (tiểu đường)  
Hợp Nền Quân phòng cản hình thương.
- Trong cung ví thấy Ất Trời, là binh, là trộm,  
Gặp nhau giao cùng đại chủ, hẩn định điên cuồng.

### BỐN THẦN (TỨ THẦN)

Bốn Thần là Nước,  
Tính thích Nhâm Can.  
Thìn Thân ấy, cao thăng chức vị.  
Hợi Tý nay, phú quý thanh nhàn.  
Bốn Cuối (tứ quý) tương phùng, quyết phải rời quê mất nghiệp.  
Sao hung chuyển tới, phòng khi xa dưới cô đơn (khắc hạ: xa dưới)



Dần Ngọ đất Trung Lương phò chùa.

Mão Tý khi gia sát khôn toàn (sát khôn toàn! gần như khó mà toàn)

Mệnh Cung, Mới Kịch đi cùng vừa dâm vừa đấng

Cung Thân, cặp kè Đại Khách, ruột thịt tương tàn.

### **ẤT TRỜI (Thiên Ất)**

- Ất Trời Kim đúc,

Cô độc hung thần

- Sửu vị, đất lừng danh tướng soái.

Thân Dậu nơi quả cảm công huân

- Bay, Đất, cùng cung, hại vợ xa con phá tổ.

Ví quèo Tướng Khách, qua phòng gửi rể thành thân.

- Năm phúc đến, giọng Thương nên Phúc (người được số Âm Thương tức Kim Cung).

Tỵ Ngọ Đây, tàn tật phiên luân.

- Mới Kịch mà thăm, định rằng hình giết (hình - khắc – sát)

Gặp ngôi Đại Chủ, oai chấn ngoài dân.

### **ẤT ĐẤT (ĐỊA ĐẤT)**

Người phùng Ất Đất,

Góa bụa ngoài châu.

Thìn Tuất tới, thân vinh giàu đủ.

Dần Mão thăm, tập tễnh ếm đau.

Tham Chủ cung vào, quyết định là quan là lính

Kịch, Bay cùng hội, nghèo hèn, no đủ khó cầu

Quân, Phúc hội, thuần thành giàu đến.

Hai Tham gia, tạ quán tàn lâu.

Người Âm mà gặp vẻ đẹp, ca âu.

### **DU NHỎ**

- Du Nhỏ là Gõ

Thông thái cao cường

- Dần Mão gặp, công huân vượt bước.

Thân Dậu theo, tập tễnh hình thương

Học nghiệp đấng khoa, Hợi Tý nơi đây đệ nhất,

Thân này tai hại, Kịch, Bay hội ngộ cùng phương.

- Văn, Phúc kia, thiên tư thanh nhã,

Quần, Thần đó, vãng lộc triều đường.

- Du, Mã vào Mạnh Khá gặp nơi. Sinh nhiều học sĩ.

Trời, Đất thần trôi vào đất Tuyết, ác ngược hình thương.

### **VĂN KỂ (THẦN KỂ)**

- Gặp sao Văn Kể, cảm tú Văn Chương
- Thìn Tuất nơi đây, một đời nhà chính,  
Mão Dần chốn ấy, một xứ làm vương.  
Cao Thăng phú quý  
Sửu vị tìm phương
- Trời Đất cùng cung, đó phường tăng đạo,  
Nền Quân cùng vị, tất định triều lang.
- Nền Thần theo, tài này kinh quốc,  
Chủ Khách đổ, võ chấn biên cương.  
Phúc Dân mạnh khá,  
Vượt chúng siêu phường (về phương diện phúc – quý)
- Kịch, Bay gian kế (gặp Kịch – Bay)  
Hư trá hình thương.

### **HAI ĐẠI TƯỚNG CHỦ KHÁCH**

- Đời phùng Chủ Khách,  
Võ chấn biên thành.
- Thân Dậu đây, quan cao ngôi hiển.  
Hợi Tý kia, muôn dặm dương danh.
- Sử thể anh hùng, vốn được Phúc Quân góp sức.  
Thần cơ hội hợp, nơi đây chấp chánh công khanh.
- Nền Dân kia, cửa quân phát chức,  
Kịch bay đến, lại trăm việc không thành.
- Tập tễnh chết yếu, nghèo nàn. Đất, Trời chiếu phá (Địa Ất Thiên Ất gặp)  
Tinh phú cương cường dững cảm, văn kể quang minh.

### **HAI THAM TƯỚNG CHỦ KHÁCH**

- Hai tham tướng Nước Gõ  
Tinh vốn phiêu bồng
- Vào đất Mạnh, đời nên phú quý.  
Đến đất Suy, một kiếp cô cùng.
- Gặp được Bài Văn, văn ốc ganh đua mà kém tú.  
Hội cùng Mới Kịch, dưới trăng quạnh quẽ mớ bông bong.
- Năm Phúc kia, quyền hào dân nắm.  
Nền Thần này, quân lữ gắng công.

- Ví đâu nghèo khổ năm này, gặp vùng Trời Đất,  
Ví có Thần Dân cứu giúp, miễn khỏi binh hung.

### **MỚI KÍCH (Thủy Kích)**

- Thần hung Mới Kích.  
Sao lửa đằng đằng
- Dân Ngộ kia, một tay nên quý,  
Hội Tý này, tai hại hình thương.
- Chợt được Nền Quân, tiếm ngụy rồi đây phá bại.  
Nên nhà giàu lớn, gặp khi Mậu Quý theo thường.  
Thần Kể vào, quan sa tù ngục,  
Tham chủ tới, ngang trái thân vong
- Ví gặp Nhỏ Thần (Tiểu Du), sài lang ngược ngạo.  
Hại con lìa vợ, Bay, Kích cùng phương

## **PHẦN X PHẦN LUẬN SAO**

### **X.1. LUẬN NĂM PHÚC**

**1. ẤT CẢ NĂM PHÚC là Thần Thời Trời. Tới đâu, đầy không binh cách, đói khổ, tật bệnh dịch các tai.**

- Ở trời 15 năm, gió đều mưa thuận, hậu hiệp, tiết hòa.
- Ở đất 15 năm, núi sinh ngọc quý, đất sản cỏ linh.
- Ở nhân gian 15 năm, đời này anh hùng, dân yên nước giàu, yên hưởng thái bình.

Sao này tới Mệnh người, gặp Ngày, Giờ có 5 Phúc:

1. Thọ
2. Giàu
3. Yên khỏe
4. Nhiều đức
5. Sống trọn vẹn.

Có 5 Phúc ấy, người thông minh, tài giỏi đời không ai bằng, lập được những việc phi thường.

- Ở Sửu là Rồn Lộc  
Thân là Khoa Danh.  
Thìn là vào Miếu.
- Người Tân Nhâm mà được là được sao Đầu Trời Lộc.

- Sáu Tân, Sáu Nhâm vào Thìn phương Mạnh, gặp Ngày, Giờ: thông minh  
đĩnh ngộ, học thuật tinh vi, tài tụ, vật đầy, là trụ đá nhà nước.

Duy sợ Dần Mão là đất hãm.

**2. Năm Phúc, hồi phúc căn,**

Khó mà nói một lần.

Năm Hành, theo Nước - Gỗ

Can thích gặp Nhâm Tân

Ví thấy Ngày Giờ gặp.

Nên vào Mệnh với Thân.

Miễn là ngôi Âm cả

Đức Võ giữ khoa danh (tức cung Thân)

Hiển lộ, duy vào Sửu

Họa tại, tới Mão Dần.

Dậu thần còn có tác dụng

Phú quý hưởng toàn châu.

**3. NĂM PHÚC NỀN QUÂN cùng cung (Thìn Tuất Thân Hợi)**

Nền Quân, Năm Phúc ví cùng miền,

Sửu Ngọ Thìn Khôn với lại Kiền

Không đui, không đâm, không diều ác,

Đoán rằng phú quý hưởng song tuyền.

**4. NĂM PHÚC NỀN QUÂN cùng cung, thêm sao lành.**

Quân, Phúc cùng cung, sao cát trợ.

Văn chương lừng lẫy ngang Thai phụ.

Võ công oanh liệt tới phong hầu,

Dự cũng linh đài, châu quân bộ.

**5. NĂM PHÚC, BA NỀN cùng cung Mạnh Khả**

Năm Phúc Ba Nền, đất Mạnh liên.

Một đời phú quý hên song tuyền.

Gặp khi vận hạn năm du tới,

Kho lăm vàng châu áo đổi thiên.

**6. NĂM PHÚC BÀI VĂN BA NỀN cùng đất MẠNH**

Bài văn Năm Phúc với Ba Nền,

Kho phủ cùng vào, năm phúc truyền.

Lừng lẫy văn chương, tài lộc thịnh

Xí cờ dàn trước, ngựa vàng chen.

**7. NĂM PHÚC, BA NỀN DU NHỎ, ĐẠI TƯỚNG cùng đất Mạnh**

Ba Nền Năm Phúc được hoàn toàn,  
 Lừng lẫy văn chương, chức tước ban,  
 Đại Khách Du Con cùng đến Mạnh,  
 Phong hầu cát đất tướng oai quyền.

### **8. NĂM PHÚC NỀN QUÂN ở đất Mạnh với 2 sao hung**

Năm Phúc Nền Quân tới một cung,  
 Đáng lo, chuyển tới có sao hung.  
 Võ không xuất sắc, văn không quán.  
 Mạnh mấy, hung kia vẫn sợ trùng.

### **9. NĂM PHÚC, MỚI KÍCH**

(Phúc mạnh ở Thân Tý Thìn Hợi. Kích mạnh ở Dần Ngọ Tuất Ty)  
 Phúc, Kích dù mà có hợp nhau,  
 Phải cho mạnh, khá tạp, không cầu  
 Mạnh vì Mới Kích, suy về phúc.  
 Một kiếp lao đao, gió bụi nhàu.

### **10. NĂM PHÚC VÀO CUNG HÃM (Dần Mão)**

Năm Phúc cần vào Mạnh  
 Hãm suy chớ có nên.  
 Ví vào cung Tật Ách.  
 Giải tán yếu như sên  
 Dần Mão vào khu ấy,  
 Thân này tiêu hạ lên (tiêu khát: đái đường; hạ: bệnh lý)  
 Tầm thường từ thuở thiếu,  
 Vì Kích tới ngay bên.  
 Phá toái, đời nên hận  
 Chết không có đất chôn.

### **11. NGƯỜI NỮ, NĂM PHÚC tới cung Thân Mệnh chồng**

Cung Chồng với Mệnh Thân,  
 Phúc vào nổi tiếng tăm  
 Người lành thêm phụ tá  
 Gặp... (?) có dư âm

### **X.2. LUẬN NỀN QUÂN**

1. Sao này ở trong Tòa Tử Vi thờ Thiên Hoàng Thượng Đế, giữ sổ ngọc. Lượng xét muôn vật trong trời đất nhân gian. Sao tới đâu, đấy không trộm cướp, dân phong phú, nước yên ổn. Vì ở vào Bốn Trụ, Thân Mệnh người thì là người hiền phù thế, khoa danh chói vót, quan chức hiển thanh, ngôi liệt Thái Xung.

2. Ví cùng cung với sao hung, tất sức mạnh có kém. Không được như trên, thì cũng là bậc thần tiên ẩn đất, tránh tới, nhường cử. Bốn Trụ cùng phối thì phát phúc.

3. Cùng cung với Đại Tướng, giỏi binh quyền.

4. Cùng cung với Bài Văn mà không vào miếu, thì cũng là bậc quý nơi điện các.

**5. Tới Bốn Trụ THÂN MỆNH** (Không vào cung hàm và cung Thê – Phu)

(Trên Năm Tháng, phát phúc sớm

Trên ngày thì vận trung

Trên giờ thì vận cuối)

**(Cung Mệnh phát sớm. Cung Thân phát muộn)**

Mệnh Thân 4 trụ thấy trong cung,

Mà được Nền Vua, phúc thịnh long,

Năm tháng sớm nên, ngày vận giữa,

Giờ thì vận cuối, lợi hanh thông.

**6. Cùng NĂM PHÚC vào MIẾU** (Thìn Tuất)

Nền Quân, Năm Phúc cùng vào Miếu,

Hoàn vũ tên vang, Thân Mệnh triệu

Cất đất phong hầu, chứa đủ vinh.

Thai Phụ, sùng ban, nơi xứng hiệu.

**7. Cùng NĂM PHÚC trong MẠNH**

Tên nêu bảng Hổ Rồng,

Thờ chúa trọn một lòng.

Phú quý nhân gian hiếm

Muôn kho ngàn lăm đông.

**8. Cùng BAN NỀN, BÀI VĂN trong MẠNH**

Nền Quân, Ất Cả khó tương phùng,

Vào miếu, ngôi sao, lộc chập chồng.

Thêm cả sao lành phù trợ nữa.

Số này ắt hẳn tới Tam Công.

**9. NỀN QUÂN MỚI KÍCH cùng cung**

Nền Quân, Mới Kích cùng cung độ,

Ềm Kích hung tai, nên phải sợ

Thân Mệnh mà phùng hạn đến đây.

Ở đây phòng bị hung tai mở.

**X.3. LUẬN DU NHỎ (Tiểu Du) (THÁI ẤT)**

**Mạnh ở Hợi Mãi Vị Dần - Vượng tại Đông Phương**

**1. Du Nhỏ là Sao Gõ. Ở Hợi là khao danh.**

Vị là Đáy Lộc. Dần là vào Hầu. Mão là vào Miếu.

Ví thuận lẽ trời thì gió đều mưa thuận, dân yên, nước giàu.

Ví ngược, với 4 sao hung, và Mối Kích cùng cung thì gió mưa không kỳ, binh đao chém giết.

**2. Ví ở Thân Mệnh** người, được đất Mạnh, hợp với sao Văn, Ba Nền thì học nghiệp tinh thông, thì giỏi trên đời hiếm có.

Gặp Ất Trời cùng cung, không sao lành hợp chiếu là người lại bút đao, có cách “Văn mà không tú”.

**3. MỆNH mà Du Nhỏ** chủ khoa Danh

Miếu Mão, Hầu Dần, việc dễ thành

Tới Mệnh Thân, và Thần Mất (Mất trời) trợ (tức Văn Xương)

Thanh nhàn, dư sức hái công khanh.

**4. Cùng NĂM PHÚC trong Mạnh**

Thần lành đến xứ Mạnh xem hay,

Là khách anh linh tú lệ này,

Đợi buổi cưới trâu sinh quý tử.

Công huân sự nghiệp đời chờ ngày

**5. CÙNG NỀN QUÂN, VĂN, KỂ trong Mạnh**

Du với Nền Quân, với Kể, Văn

Gặp nơi Mạnh Khá, khó cùng khăn.

Vào Thân, chiếu Mệnh, khi mà gặp.

Duy võ, duy văn, phúc định vắn.

**6. Cùng NỀN THẦN trong Mạnh**

Hình dung thần thái, dáng người hiền

Là bậc siêu quần, bậc địa tiên.

Chủ Khách hai sao cùng chiếu xứ,

Không trong đài các, nắm binh quyền.

**7. Cùng NĂM PHÚC trong cung ác huyết** (Dù có gặp sao lành đến đó, cũng không tốt).

Năm Phúc không thành phúc,

Vì vào Ngọ Dậu trong,

Gỗ Giam, Kim đánh Đuổi (khắc)

Đất lở bại, khôn mong.

**8. Cùng BÙA BAY trong cung ác tuyệt** (Thân Dậu Tý)

Du trong đất hãm định không tinh,

Thích rượu thành hoa phản đến mình.

Ví có thần lành lai cứu trợ,

Con thì ẩm ớ, vợ cuồng kinh.

#### **X.4. LUẬN BÀI VĂN**

##### **1. MẮT TRỜI – BÀI VĂN là Sao Cát, thần ĐẤT (Thổ)**

Bốn trụ, Thân Mệnh gặp được, chủ văn hay chữ tốt học vấn rộng rãi, thành người thanh kỳ, bao hàm nhân nghĩa. Có tài kinh luận quán thế.

- Trải qua ngôi thanh hiển, Hợi là vào Miếu.

- Thấy Ba Nền, Năm Phúc, Thần Kể, Đại Tướng Chủ, các sao ấy, thời thiếu niên vinh hiển, phú quý.

- Không nên đi cùng với Du Nhỏ là vì tuy có văn hay chữ tốt hơn đời, mà khó tránh được cảnh trần ai bụi bặm (khó loại chí).

Ví có loại được khoa danh, cũng đáng ngại có danh mất lợi.

- Gặp Mới Kích, có văn không hay

- Gặp Bốn Thần, văn có hay mà không hiển đạt

##### **2. Sao Văn một cách quý sau đây**

Thanh hiển khoa danh, vượt bạn bầy,

Thềm ngọc, ngựa vàng đường lối sẵn,

Thiếu niên nhẹ gót, hội rồng mây.

##### **3. BÀI VĂN VÀO MIẾU**

(Kiêng Du Nhỏ, Mới Kích, Bốn Thần cùng cung)

Bài Văn vào Miếu, Hợp phương lành,

Tất có anh hùng tự lệnh sinh.

Năm Phúc, Nền Quân cùng góp mặt,

Lấy Văn làm Võ, tới công khanh.

##### **4. Vận Hạn gặp Mạnh, có khoa danh (Thân Sửu Thìn Hợi)**

Bài Văn tự thị Văn tứ quý,

Chót vót đầu sừng ngôi thượng vị.

Số vận năm qua gặp một khi,

Tiếng tăm lừng lẫy trong trời bể.

##### **5. Cùng DU NHỎ, BỐN THẦN trong ĐÂM KÍCH**

NƯỚC ĐẤT GỖ là chốn Kích Đâm,

Công kia việc nọ, lắm mưu thâm.

Không làm thư lại trong hình hiển

Thì cũng nho cuồng, bọn dưới ngăm.

##### **6. BÀI VĂN ĐẤT hãm (Dần Mão Tý)**



Văn từ đối trá, có hư danh  
 Mong giỏi về già vẫn chưa thành  
 Ví có thần lành phò trợ đến  
 Quan này mới đạt, đã mai đình.

### **X.5. LUẬN ĐẠI TƯỚNG CHỦ**

1. Đại Tướng Chủ, sao này thuộc Kim  
 Ở Tỵ là khoa Danh  
 Dậu là vào Miếu  
 Sửu là vào Hào. Là Thần Hiệu Lệnh ở trời.
2. Ở người vào 4 Trụ Thân Mệnh, là người anh hùng quả cảm, cơ toán hoàn mưu.
3. Nền Quân cùng cung, là bậc quý vương hầu.
4. Nền Thần cùng cung, là ngôi tướng soái.
5. Nền Dân cùng cung, là mệnh quan võ
6. Văn Kê cùng cung, là người văn võ gồm hai
7. Duy sao này có thể chế được hung của Mối Kịch. Nhưng ở Tỵ Ngọ thì không thể chế nổi.
8. Cùng Trời Đất, Bùa Bay cùng trong cung Tỵ thì chết không toàn thân.
9. Mệnh người mà phạm, phần đông là cách cửa quân hưởng lộc.
10. Nơi Trời là Hiệu Lệnh  
 Xử thế, chủ anh hùng.  
 Phúc, Kê, Quân cùng đồ  
 Oai thêm, Mối Kịch tòng.  
 Kê, Văn cùng Mạnh trợ  
 Văn Võ được toàn công.
11. Tới Cung Mạnh, được sao lành phù tá  
 Quyền to nắm giữ, mệnh phi thường,  
 Dựng nước an bang, định bốn phương  
 Vận số gặp thời nên sớm phát,  
 Văn thanh, võ quý, chức ai đương.
12. Tới Cung hãm  
 Sao Kim vào đất hãm,  
 Khói Lửa chính gặp kỳ.  
 Mệnh gặp, thừa cùng kiện  
 Liên khiên bệnh bám thi.

### **X.6. LUẬN THẦN KÊ (THỎ)**

**1. ẤT CẢ sao Cơ Trời**

Gọi tên là Thần Kể.

Mão Dần sợ mấy nơi

Thân Tý Thìn Mạnh Khá,

Văn Kim, gặp hung rồi (Kể gặp Văn tại Kim thần thì hung)

**2. Cung Mạnh (Thìn Tuất Sửu Vị)**

Kể vào đất Mạnh, chủ thanh cao,

Quán các văn chương, võ kiệt hào.

Sĩ lộ hơn người, nên hiền hách,

Trời trăng gần gũi, khách thành tiên.

**3. ĐẤT HẨM gặp sao Hung đuổi Kịch**

(lại gặp Du Nhỏ, Tham Khách)

Thần Kể mưu cao lắm lộc tiền,

Cung hung đất hẩm tiến lui tiền.

Kể mà gặp Đất, tài lượng đồng.

Gặp Khách và Du, tốt hòa hèn.

**X.7. LUẬN MỚI KÍCH**

**1. Sao Lửa, thần hung.** Mới đầu giữ ngôi kích bác. Thượng đế còn e ngại, Thường làm buộc chân Đại Tướng chủ. Mộc phương Đông gọi là sao Tuệ. Mộc ở phương Tây gọi là sao Bột, phương Nam là Mới Kích, phương Bắc gọi là Ất Cả. Ở giữa gọi là sao Phật.

**2. Ở Dần** là khoa danh. Ngọ là vào Miếu. Tuất là Đáy Lửa. Vị là vào Hào.

**3. Người Mậu Quý** là sao Ngọn Lộc Trời.

**4. Tới đâu, đầy binh đao, trộm cướp, giết chóc nhân dân, máu chảy ngàn dặm.**

**5. Ở Thân Mệnh** người, trai dâm, gái con hát. Trai gái gặp ách đổ máu. Tới 4 trụ chính, chết cha mẹ. Vận số gặp phải, chết không tránh được.

**6. Số gặp vận, cùng Bùa Bay, sao hung đuổi đánh, định là ngắn đời chết bạo.**

**7. Duy người Mậu Quý** thì lại phát phúc

- Trên Dần, khoa danh

- Trên Ngọ là bậc quý nơi hai phủ

- Trên Tuất là tiền tài trời, nên phát quý hưởng lộc này. Duy kiêng sao ác cùng cung, thì trong mạnh mẽ có mất mát.

Người Ất Canh nên làm phúc để cầu đảo.

**8. Một vòng chia quá cực,**

Kích bác đã nên danh

Thượng Đế còn e ngại,

Chín Châu bụi chẳng khinh

Nên phòng Thân Mệnh gặp  
Đáng sợ ngày giờ sanh  
Hạn số mà vướng phải  
Suối vàng sẽ dạo quanh.

#### **9. MẠNH Ở DẦN NGỌ TUẤT**

Đẳng đẳng Dần Ngọ Tuất  
Mới Kích thích ngôi vì  
Tài học cao muôn cổ,  
Khoa danh chấn đế kỳ  
Trong yên trăm chức vụ,  
Ngoài thống suốt toàn sư.  
Mậu Quý đầu trời lộc,  
Phù trì cũng đáng khi.

#### **10. Người Mậu Quý gặp vận Dần Ngọ Tuất**

Mậu Quý tương phùng khoang lửa thịnh,  
Không cùng Nam cực cũng cao quan  
Vàng châu đầy cửa, vườn nương thịnh,  
Vận số tương phùng, chẳng khó khăn.

#### **11. Chiếu vào ngày giờ sinh, hay bên**

Ví gặp Ngày, Giờ thai khí biệt,  
Ba niên trở lại, thân đã tuyệt (chết cha)  
Ví không bú mớm gởi tay người.  
Thì cũng con nuôi, hay mẹ thiếp (mẹ là vợ lẽ).

#### **12. Cùng Bùa Bay chiếu ngày giờ**

Ngày Giờ nên kỵ gặp sao hung,  
Con cái Giờ này, có hoặc không  
Nếu gọi người âm là gái hóa (góa)  
Người trai, ở vậy, kiếp long đong.

#### **13. MƠI KÍCH, BÙA BAY và thọ yếu**

Ngày Giờ xông đối, người nên kỵ,  
Niên đối ngày giờ, thọ chẳng lâu  
Giết ác (ác sát), hạn hung mà gặp phải,  
Suối vàng xuôi đó, hỏi nơi đâu?

#### **14. Cùng BÙA BAY sao lành trong Mạnh**

Bốn Trụ, ba Nền, năm Phúc cao,

Tự nhiên danh lợi đến nơi chào,  
Bùa Bay, Mới Kích thêm soi chiếu,  
Không phải con nuôi, chẳng chịu nào.

**15. Cùng Nền Quân ở nơi Thân Mệnh Ngày Giờ**

Nền Quân, Mới Kích Ếm là hung.  
Vị có người nào gặp phải cung.  
Tiềm nguy không cương, thành sự khó,  
Không lâu, chịu dưới lưỡi dao vung.

**16. Cùng Nền Thần ở nơi Thân Mệnh Ngày Giờ**

Mới Kích, Nền Thần tới bản cung,  
Quan hình không tránh được mà mong.  
May ra cũng có nhà giam đón,  
Rồi chết không toàn xác mới xong.

**17. Cùng Nền Dân ở cung Thân Mệnh Ngày Giờ**

Mới Kích với Nền Dân  
Mệnh Thân Giờ, tới gần,  
Đất tiền phòng có biển,  
Đổ vỡ, lụy vương chân

**18. Mới Kích và Du Nhỏ cùng cung (Mão Dậu)**

Kích Du rất sợ gặp nhau cùng,  
Hưởng Mạng Thân người lại vương cung.  
Nhất định người này nhiều trái ngược,  
Phạm vào phép nước, tội tìm gông

**19. Cùng Bài Văn trong cung Thân Mệnh**

Mới Kích, sao hung, chỉ giáng ương,  
Hưởng cùng Văn hợp, để người vương.  
Keo sơn gắn bó không đường lối,  
Trong có mưu toan, cũng trật đường

**20. Cùng Cung Thần Kể**

Mới Kích ấy sao hung,  
Há tham Thần Kể cùng.  
Mưu người, người phản lại,  
Khôn giữ vẹn thân chung.

**21. Cùng cung Tham Chủ**

Mới Kích và Tham Chủ

Cùng cung chớ có nên  
 Đề phòng tôi tớ hại  
 Chớ đợi đến cùng bên.

## **22. Cùng cung với Tham Khách**

Kích Cùng Tham Tướng Khách,  
 Đáng ngại ở cùng sân.  
 Tai hại âm mưu tới,  
 Gần chi bọn tiểu nhân.

## **23. Bay Kích trong cung Thân Mệnh Đàn Bà**

Thân gặp Bay và Kích,  
 Mười chồng vẫn khóc chồng  
 Hẹn ai những buổi nơi phòng vắng,  
 Chẳng vẹn chồng con, chẳng vẹn lòng.

## **X.8. LUẬN ĐẠI TƯỚNG KHÁCH**

1. Tướng Khách sao lành Thần Nước (Thủy) Thân là khoa danh. Tý là vào Miếu. Thìn là vào Hào. Hợi là cung Mạnh.

2. Cùng Đại Tướng: chủ chia quyền xem xét mọi việc.

- Cùng cung Mới Kích là có chiến, ví được phương Mạnh thì thắng.

3. Bốn Trụ Thân Mệnh người mà gặp, được nhiều phúc.

4. Tính vốn nóng thẳng.

5. Đi với Du nhỏ, mưu thâm lo xa, trí trá khác phàm, vun trồng được đức của thánh nhân, oai làm yên hòa loạn.

6. Cùng cung Thần Kê, phần nhiều là tai mưu, hoặc giữ việc cơ mật.

7. Cùng cung Mới Kích, thân cô, phá nghiệp tổ, hay vướng vào những việc quan nha.

8. Cùng Trời Đất, Bốn Thần, Bùa Bay, trai góa, gái bụa, không lợi sáu thân, ít thành, nhiều bại.

9. Cùng cung Nền Quân, ở ngôi tướng soái.

- Cùng Nền Thần, oai chấn biên phương.

- Cùng Nền Dân là mệnh giàu cự,

10. Cùng Năm Phúc là bậc vận ứng chân tiên.

11. Người âm mà gặp được, được phong ấp hiệu, phú quý toàn hai.

12. Sao lành, thần thuộc Nước

Người Bính Tân là phước

Dương cả, đất vào Hào

Khoa danh, Thân đứng trước

- Lo xa, Tham Tướng cùng,  
 Thần Kê, cao mưu lược  
 Năm Phúc với Ba Nền,  
 Công huân xây chức tước  
 - Thân Tý Thìn phương khí mạnh mong  
 Bính Tân người ấy phúc to trông.  
 Mưu sâu lo trước, người khôn lường,  
 Định loạn trừ gian, lập biệt công.

### **13. Cùng Năm Phúc trong Mạnh**

(Thân Mệnh Thân Tý Thìn)  
 Đại khách cùng Năm Phúc  
 Trong Thân Tý với Thìn  
 Tướng tài phó chúa sáng,  
 Vận ứng bậc chân tiên.

### **14. Cùng Bùa Bay trong Mạnh**

Anh hùng cương liệt phú quý phát gấp.

### **15. Cùng Nền Dân Tham Chủ trong Mạnh**

Nền Dân nơi Hợi Tý  
 Người ấy hạng nhà giàu  
 Thử hỏi vì đâu được,  
 Doanh thương, nghiệp nổi mau.

### **16. Cùng các sao hung trong Hãm (Tý Ngọ)**

Cùng thần hung đánh đuổi,  
 Mạnh khá, chốn nên tầm,  
 Nhà phá vì sao đó  
 Tự do, cứng cổ xâm.

### **17. Trong Hãm gặp Mới Kịch (Mão Tý Ngọ)**

Đại khách soái trời ngôi.  
 Hãm hung gặp đủ mùi  
 Trai phòng âm (người âm) tiểu (tiểu nhân) hại,  
 Gái sợ triệt trong ngoài.

## **X.9. LUẬN NỀN THẦN**

1. Nền Thần Sao Lành. Thần chuyển cơ Tạo Hóa. Năm giữ quyền phúc.
2. Ở Thân Mệnh Ngày Giờ, không sao ác, là bậc cực quý nhân thần (bầy tôi quý nhất)
3. Tuất là vào Miếu. Người 6 Kỷ mà gặp được Sao Lộc.

Ví ở Thân Mệnh, là người có tài tuyệt thế, lập những công phi thường. Thông minh chính trực, nắm giữ quyền hành, xuất hết điều tốt đẹp.

4. Kỵ cùng Trời, Đất, Bốn Thần, văn mà không hay.

5. Nền Thần Mão Tuất thêm khoa danh.

Hiển đạt công huân, sự nghiệp hanh.

Duy kỵ cung Thê (phu) cung Tử gặp,

Phong trần vất vả, họa theo mình.

6. Gặp Mạnh tại Thân Mệnh Ngày Giờ

Nền Thần gặp Mạnh, giữ cung Thân,

Thêm có sao lành tới Mệnh căn.

Hầu cận tôn vinh, ngôi chẳng khó,

Thai lang, khanh giám, chức chưa cân.

7. Kiêng Bốn Thần Ất Cả, các sao hung cùng cung.

Tới Thân Mệnh Ngày Giờ, là người có tính ngang ngược.

Nếu cùng gặp Mạnh thì là phúc

Gặp Hãm đánh đuổi, có tai họa diệt vong.

Giá có sao lành cứu trợ, trong Mạnh có mất,

Họa phúc nép tựa, trước cát sau hung.

8. Nền Thần phát phúc, Bốn Thần tùy,

Tới hạn nên phòng lúc khởi đi.

Ví có sao lành cùng đến hội,

Thì khi lúc vượng, ngại kỳ suy.

#### **X.10. LUẬN NỀN DÂN Hãm ở 2 cung Dần Mão**

1. **NỀN DÂN SAO LÀNH.** Là trường 10 thần trong tòa Thiếu Vi

Là sao Lộc của Ất Cả. Thìn là vào Miếu,

Người 6 Mậu, là sao chủ Lộc.

2. Ví Bốn Trụ Mệnh Thân mà gặp, vàng ngọc đầy thêm, tài lộc đều thịnh.

3. Nền Dân tuy chẳng hiển công trình,

Vàng ngọc thu nhiều cũng đủ vinh,

Gặp được trăm năm yên khoái lạc.

Ví kiêm Thân Mệnh có nên danh.

Ví gieo trước Lộc cung Dần Mão,

Nghèo khó, lâu đều, chịu một mình.

4. Cùng Văn Kể trong Mạnh (thìn Tỵ Hợi Tý)

Nền Dân gặp mạnh, Ngày Giờ an,

Ví có Bài Văn tất hiển quan.

Thần Kể thêm vào cùng chiếu sang,  
Tiền tài đầy dẫy, cửa nhà nên.

**5. Nền Dân vào cung Nhà đất**

Nền Dân vốn đã vượng vườn nhà,  
Nhà Đất mà vào tốt mãi ra,  
Thi đỗ, thêm cao nơi bén tới,  
Ruộng vườn xứ xứ mỡ màu pha.

**X.11. LUẬN BỐN THẦN**

**1. BỐN THẦN, Thần Nước, sao hung**

Thần tới đâu, có tai nạn nước lụt, hay làm đói kém, binh cách.

**2. Ở cung Thân Mệnh,** tiền vật tụ tán, tai nạn việc quan, hay gặp nạn sông nước.

**3. Ví gặp đất Mạnh,** có Ba Nền, cũng chủ tiền thóc quan lộc, nhưng không được an hưởng lâu dài.

**4. Bốn Thần** đáng sợ, vị sao hung,

Lộc đã tiêu hao, hạn hoạn nung.

Ví được thần lành về cứu trợ

Cũng thì chín phá (9 phá) chục (10) thành công.

**5. Cùng Năm Phúc trong Mạnh** (Thân Tý Thìn Hợi)

Thần, Phúc cùng lâm đất mạnh hung,

Ngày Giờ Thân Mệnh, số tương phùng.

Chẳng nhân họ Vũ (tên họ có giọng cung Vũ) mà nên phúc

Cá muối sông ngòi, lợi đủ dùng.

**6. Cùng Nền Dân trong Mạnh**

Thần, Dân trong Hợi Tý

Là cách bác nhà giàu;

Hưởng lộc trời, khi cũng,

Bán buôn doanh lợi cầu.

**7. Cùng Nền Quân, Du Nhỏ, Văn, Kể trong Mạnh**

Bốn Thần trong đất Mạnh

Mặt nước khá đóng lờng

Thêm được thần lành trợ,

Lái thuyền, lợi lộc cường.

**8. Cùng Bùa Bay đêm giờ sinh** (đâm = hình khắc)

Bốn Thần Ất Cả ở giờ sinh,

Bay đến đâm vào họa chẳng khinh



Nếu chẳng mai sau thân chết bạo  
Nửa đời, vợ gặp nạn nguy kinh.

**9. Cùng Nền Thần trong cơn ác tuyệt (Dần Mão Dậu Ty)**

Thần Nước lo gồm Đất,  
Nền Thần cũng thế chi  
Huống hồ vào ác tuyệt  
Sử thế thấy tai nguy.  
Làm gái tính trảng tránh (trỏng tránh; đồng đành)  
Làm trai, thấy sắc mê.  
Nên phòng Tì Vị bệnh  
Tiền lúa đã tiêu khuy.

**10. Cùng Nền Quân hay Bùa Bay trong Hãm (Hợi Tý)**

Phúc quả làm sao có?  
Phiêu lưu, thiếu thốn luôn  
Tở tôi, còn khá đó,  
Cùng quá, khổ theo rồn.

**X.12. LUẬN ẤT TRỜI (THIÊN ẤT, KIM)**

**1. ẤT TRỜI, SAO KIM, Thần hung**

- Đến đâu, đầy nhiều bạo tạt, chém giết người dân, máu chảy ngàn dặm.
- Ở Thân Mệnh Ngày Giờ, phá nghiệp tổ, thân cô, suốt đời tập tễnh.

**2. Ví lại Bùa Bay cùng cung, ngược bạo, chết không toàn thân**

**3. Cùng ba Nền Năm Phúc**, trong cung Mạnh, có khi nhân dân buôn bán nên danh, hoặc nhân binh cách mà phát phúc, nhưng phú quý không bền.

**4. Nhân gian khốn khổ với thân cô,**

Cung mệnh mà trông Ất, mới lo.  
Nghiệp tổ mà còn thì phá nốt,  
Tiếc thay, trời lặn gặp cùng đồ.  
Suốt đời, Ất vẫn không nơi tựa,  
Ăn mặc phần nhiều chẳng đủ no,  
Chẳng phải người hèn từng bản thiếu,  
Cũng là tầm gửi sống lơ phơ.

**5. Cùng Năm Phúc trong Mạnh (Thân Sửu Thìn)**

Năm Phúc Ất Trời gặp Mạnh ngôi,  
Ngày Giờ Thân Mệnh số thêm tươi.  
Không vì buôn bán mà nên nghiệp,  
Thì cũng năm kim, lợi mấy mươi (hàng đồng sắt).

**6. Cùng Nền Quân, Đại Chủ, Thần Kể trong Mạnh (Thân Sửu Dậu)**

Giòng nhà phú quý, chủ thân này,  
 Buôn lớn giàu to, của chất đầy  
 Đại Chủ còn thêm nơi đất Mạnh,  
 Nhân thời chinh chiến hiển vinh thay.

**7. Cùng Nền Dân trong Mạnh**

Nền Dân hợp Ất Trời  
 Hào phú nếp nhà coi.  
 Thêm có thần lành chiếu,  
 Phúc đầy hưởng mấy ai.

**8. Cùng Năm Phúc trong Ấc Tuyệt (Ty Ngọ)**

Năm Phúc với Ất Trời,  
 Non đã mẹ cha rời.  
 Cứng cổ theo đau khổ,  
 Tham lòng nghèo khó noi.  
 Hối chi vinh với nhục,  
 Khó giữ nổi thân còi.

**9. Cùng Bay, Kịch trong Ấc Tuyệt (Ty Ngọ)**

Lòng còn nhiều táo bạo,  
 Động việc chỉ sai ngờ.  
 Thân có sao hung chiếu,  
 Giữ sao nổi thân cô.

**10. Cùng Nền Thần trong Ấc Tuyệt (trên Dân càng nặng)**

Trộm cắp thường lo nghĩ,  
 Họa tai bám mãi người.  
 Còn nên phòng người ác,  
 Thân chết cửa công soi.

**11. Cùng Nền Dân trên Ty Ngọ**

Sao Ất ngại Nam phương,  
 Đề phòng bạn phản thương.  
 Lại phòng đâm với giết,  
 Nhất định chết phi thường.

**X.13 LUẬN BÙA BAY (Hỏa tinh)****1. BÙA BAY SAO LỬA**

Đến đâu, đấy có tai nạn lửa bùng hạn nỏ, cây cỏ không sinh, binh cách chém giết.

**2. THÂN MỆNH NGÀY GIỜ** mà gặp, lìa vợ hại con, mệnh bần cùng.

- Hội thêm sao hung, chết không toàn thân.
- Ví có sao lành cứu trợ, giàu sang không bền.
- Bẩm tính cường bạo, không chịu trái lẽ, kiêu có tật ngầm. Sáu thân ít trợ.
- Người âm gặp phải, tổn chồng hại con, sinh nhiều bệnh huyết.

**3. - Phá tan nghiệp tổ, hỏi vì sao?**

Chỉ tại Bùa Bay, Mệnh chuốc vào.

Ví có sao lành về cứu trợ,

Lênh đên rời tổ, một thân nao.

- Bùa Bay sao dữ, bệnh quanh chao,

Phá tổ rời quê, bốn hướng chào;

Phiêu đảng còn chưa là xấu số,

Sống lìa, chôn vợ quá hại lao

**4. Vào cung Thân Mệnh**

Bùa Bay Ất Cả cực hung vì,

Thân Mệnh mà chao, nói nổi gì.

Tai hại vợ con nhiều mất mát,

Già về, muộn có cháu hài nhi.

**5. Vào Thân Mệnh trong Mạnh**

Bùa Bay sao dữ, vào cung mạnh,

Ất Cả sinh người, Thân Mệnh phùng,

Vì phá tiền tài, không quá hại,

Ví bằng phá quá, lại nên phong.

**6. Bùa Bay vào Ngày Giờ**

Bùa Bay sao ác, chớ tương phùng,

Ví tới Ngày Giờ, thật quá hung,

Con gái đầy đường mà chẳng khứng,

Về già, thương các sự thành không.

**7. Chiêu Vận**

Bùa Bay chiêu vận tất hung sinh,

Kim, Gõ hung nhiều. Đất Lửa khinh.

Số vận năm qua, mà vương phải

Ốm đau, kiện tụng vương thân mình.

**8. Tới cung Hợi Tý**

Của tiền tụ bỗng thành không

Năm tháng ngày giờ số gặp trong,  
Tôi tới ăn xin, hại việc chắc.  
Lông bông trôi giạt khắp Tây Đông,  
Mưu ngầm, kế quỷ, nhiều dâm ky  
Không lợi thuyền bè, nạn nước sông.  
Còn có một điều dao nhọn bén,  
Đều do Mệnh vấp phải Bay lồng.

**9. Cung Năm Phúc trong Mạnh, tới Thân Mệnh Ngày Giờ (Tý Ngọ)**

Năm Phúc cùng trong Ty Ngọ phương,  
Ngày giờ Thân Mệnh đến cùng nương.  
Nhờ nghề nung đúc mà nên nghiệp,  
Người Thủy (giọng thủy) dờ tay giúp đỡ nhường

**10. Cùng Nền Quân đến Mạnh (Dần Ngọ Tuất Vị Tý)**

Tim óc thông minh trí vượt quần.  
Tính tình quân tử, tiếng văn nhân.  
Không riêng hưởng lộc, còn thiên quý,  
Lấy Võ xây công nghiệp thế văn.

**11. Cùng Ba Nền trong Mạnh (Dần Ngọ Tuất Dậu)**

Bay vào đất Mạnh gặp Ba Nền,  
Văn võ gồm hai, nghiệp tướng nên.  
Đường hoạn hạnh thông, thường phát sớm.  
Bốn phương anh kiệt tiếng tăm rền.

**12. Bay tới Thìn Ngọ Vị - Mệnh này Tài Lộc song toàn**

Bùa Bay mà tới đất cao cường.  
Vị có Nền Dân, phú quý vương,  
Quân, Phúc, hốt nhiên cùng chiếu tới.  
Hơn đời, lành, tốt, nối duyên trường.

**13. Cùng Năm Phúc trong Ấc Tuyệt (Mão Tý Dậu)**

Phúc đem phúc thọ, mãi duyên trường,  
Vị bị tình hung đến cản đường.  
Tiền của theo tan, không máu chót,  
Long đông trôi giạt tuổi già thương.

Ở Cung Mạnh, gặp Ất Trời Mới Kịch, cùng cung Mệnh Thân Ngày Giờ (Ty Ngọ Thân Thìn)

Bản nguyên thiếu một trang

(Xin xem ở phần XII, Luận Sao kê Ngày, mục 17 Phi Phù trang 510 – 511 để bổ túc).

#### **X.14. LUẬN ẤT ĐẤT**

##### **1. ẤT ĐẤT, SAO ĐẤT, THẦN HUNG**

- Tới đâu, đẩy sâu lúa, tạt dịch
- Mệnh Thân Ngày Giờ mà gặp, thì lia vợ hại con, trai bạ gái góa.

##### **2. Cùng Du nhỏ Thần Kê** thì thân nhiều bệnh chìm, ăn mặc không đủ.

- Bẩm tính tự cường, thích chém giết, làm việc không nhân chẳng nghĩa.

##### **3. Gặp Ba Nền Năm Phúc** thì cũng cùng quý nên danh, sau không bền.

##### **4. Tới Thân Mệnh Ngày Giờ** trong đất Hãm (Dần Mão Dậu)

Ất Đất Thần hung, tính chẳng hòa.

Ưa làm chém giết với can qua.

Sao này ví lại vào Thân Mệnh.

Tập tễnh, nghèo, cô, chết chẳng thà.

##### **5. Cùng Năm Phúc trong Mạnh**

Ất đất và Năm Phúc hợp cùng,

Ngày Giờ Thân Mệnh vượng tương phù.

Tơ, vừng, thóc lúa, nhân mà có,

Gặp họ cung (giọng Cung) thì cũng phú phong.

##### **6. Cùng Nền Thần trong Mạnh** (Thân Hợi Thìn Sửu)

Tính ưu nghịch mệnh nẻo rừng xanh,

Cao sạch, cô đơn, mới khó thành.

Ví có Bài Văn cùng chiếu đến,

An nhiên hưởng lộc, hiển thanh danh.

##### **7. Cùng Nền Dân trong Mạnh lại thấy Bài Văn** (Thân Tý Thìn)

Phú quý không người sánh,

Văn từ khó kẻ noi.

Phù trì thêm Mắt Chủ (Văn Xương)

Nếp cũ rạng danh coi.

##### **8. Cùng Nền Quân, Văn, Kê trong Mạnh** (Tuất Ngọ Vị Hợi)

Tính khí thâm trầm thật khó đo,

Quy mô phép dựng, sĩ danh tô

Bài Văn, Thần Kê soi phù trợ,

Chấn ngự biên phòng, dự biết cơ.

##### **9. Ở Cung Mão**

Ất Đất không ưa đến Mão cung

Đã đi, chẳng ngoảnh cổ xem cùng  
Việc làm sai suyển, không thành sự,  
Một kiếp lao đao, hướng cửa không.

### HẾT CUỐN V